

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

Triệu đồng

	Số liệu năm 2020	Số liệu năm 2019	Năm 2020 so với năm 2019 (%)	Cơ cấu năm 2020 (%)	Cơ cấu năm 2019 (%)
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.843.728	7.439.769	132,31	100,00	100,00
I. Thu nội địa	9.208.170	8.239.176	111,76	93,54	110,75
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	925.000	1.011.342	91,46	9,40	13,59
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	420.000	354.877	118,35	4,27	4,77
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.245.000	1.296.157	96,05	12,65	17,42
Thuế thu nhập cá nhân	518.000	483.870	107,05	5,26	6,50
Thuế bảo vệ môi trường	192.000	182.637	105,13	1,95	2,45
Thu phí, lệ phí	462.500	500.621	92,39	4,70	6,73
Trong đó: Lệ phí trước bạ	346.500	385.193	89,95	3,52	5,18
Các khoản thu về nhà, đất	4.292.500	3.198.326	134,21	43,61	42,99
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	800.000	609.950	131,16	8,13	8,20
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	66.200	72.654	91,12	0,67	0,98
Thu khác ngân sách	221.570	262.482	84,41	2,25	3,53
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	400	648	61,73	-	0,01
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân sách nhà nước	65.000	265.612	24,47	0,66	3,57
II. Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
III. Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	635.558	-799.407	-	6,46	-10,75
IV. Thu viện trợ	-	-	-	-	-